

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP
THOÁT NƯỚC TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TUYÊN QUANG
NĂM 2018 (Từ 01/12/2017 đến 31/12/2018)

Tuyên Quang, tháng 4 năm 2019

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TUYÊN QUANG
NĂM 2018 (Từ 01/12/2017 đến 31/12/2018)

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: TUWASE CO.,JSC.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5000126040 đăng ký lần đầu ngày 22/04/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 14/05/2018.
- Vốn điều lệ: 89.332.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 89.332.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Số 103, đường Tôn Đức Thắng, tổ 17, Phường Hưng Thành, Thành phố Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang.
- Số điện thoại: 02073 822 586.
- Website: <http://capthoatnuoctuyenquang.vn/>
- Mã cổ phiếu: TQW.

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang, tiền thân là Ban Kiến Thiết nhà máy nước Tuyên Quang theo Quyết định số 134/TC-CQ ngày 18/9/1971 của Ủy ban hành chính tỉnh Tuyên Quang thuộc Ty xây dựng Tuyên Quang quản lý;

Ngày 18/5/1978, UBND tỉnh Hà Tuyên ban hành Quyết định số 284/TCCB về việc thực hiện chuyển giao Ban kiến thiết nhà máy nước thuộc Ty xây dựng về cho UBND thị xã Tuyên Quang quản lý;

Tháng 3/1985, UBND tỉnh Hà Tuyên ban hành Quyết định số 123/UB-QĐ về việc chuyển giao nhà máy nước thị xã Tuyên Quang thuộc UBND thị xã Tuyên Quang sang Sở xây dựng và công trình đô thị Hà Tuyên quản lý, có tên gọi là Xí nghiệp cấp nước Hà Tuyên;

Tháng 5/1986, UBND tỉnh Hà Tuyên ban hành Quyết định số 135/UB-QĐ về việc đổi tên Xí nghiệp cấp nước Hà Tuyên thành Công ty Cấp thoát nước Hà Tuyên trực thuộc Sở xây dựng và công trình đô thị quản lý;

Tháng 2/1993, Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang có Quyết định số 44/QĐ-CT

về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước, có tên gọi Công ty Cấp thoát nước thuộc Sở xây dựng Tuyên Quang quản lý;

Tháng 4/2010, UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành Quyết định số 105/QĐ-UBND về việc chuyển Công ty Cấp thoát nước thành Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Tuyên Quang thuộc UBND tỉnh quản lý.

Ngày 25/07/2016, UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành Quyết định số 1089/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang.

Ngày 27/11/2017. Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần đầu, chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5000126040 ngày 01/12/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang cấp với vốn điều lệ 80.000.000.000 đồng.

Ngày 26/4/2018, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang đã tổ chức ĐHĐCĐ bất thường, thông qua tăng thêm vốn điều lệ 9.332.000.000 đồng, nâng tổng số vốn điều lệ của Công ty lên 89.332.000.000 đồng, được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5000126040, thay đổi lần thứ 6 ngày 14/5/2018.

Ngày 03/7/2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành văn bản số 4110/UBCK-GSĐC chấp thuận đăng ký trở thành Công ty đại chúng cho Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.

Ngày 06/11/2018, Trung tâm lưu ký chứng khoán ban hành văn bản số 94/2018/GCNCP-VSD chứng nhận Đăng ký chứng khoán cho Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5000126040 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang cấp lần đầu ngày 22/04/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 14/05/2018 ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Sản xuất và cung cấp nước	3600 (Chính)
2	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh công trình đô thị, công cộng	8129
3	Thu gom rác thải không độc hại	3811

4	Thu gom rác thải độc hại	3812
5	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
6	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
7	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan Chi tiết: Dịch vụ trồng, chăm sóc cây xanh trong đô thị	8130
8	Quản lý, bảo trì đường bộ đô thị, hành lang an toàn đường bộ và các công trình tương tự khác theo đường bộ; Quản lý, vận hành hệ thống cấp, thoát nước, đèn chiếu sáng đô thị; Quản lý, khai thác chợ; Tư vấn quản lý dự án đầu tư các công trình xây dựng cơ bản (không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

- Địa bàn kinh doanh: Khu vực thành phố Tuyên Quang và các huyện lỵ: huyện Sơn Dương, huyện Hàm Yên, huyện Chiêm Hóa, huyện Na Hang.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Mô hình quản trị:

- **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):** là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của công ty theo Điều 24 Điều lệ công ty. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ theo khoản 2, Điều 24 Điều lệ Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 27/11/2017.

- **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- **Ban Kiểm soát:** thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- **Ban Giám đốc:** Điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

Công ty có 04 phòng chuyên môn và 06 Chi nhánh trực thuộc đóng trên địa bàn các huyện, thành phố.

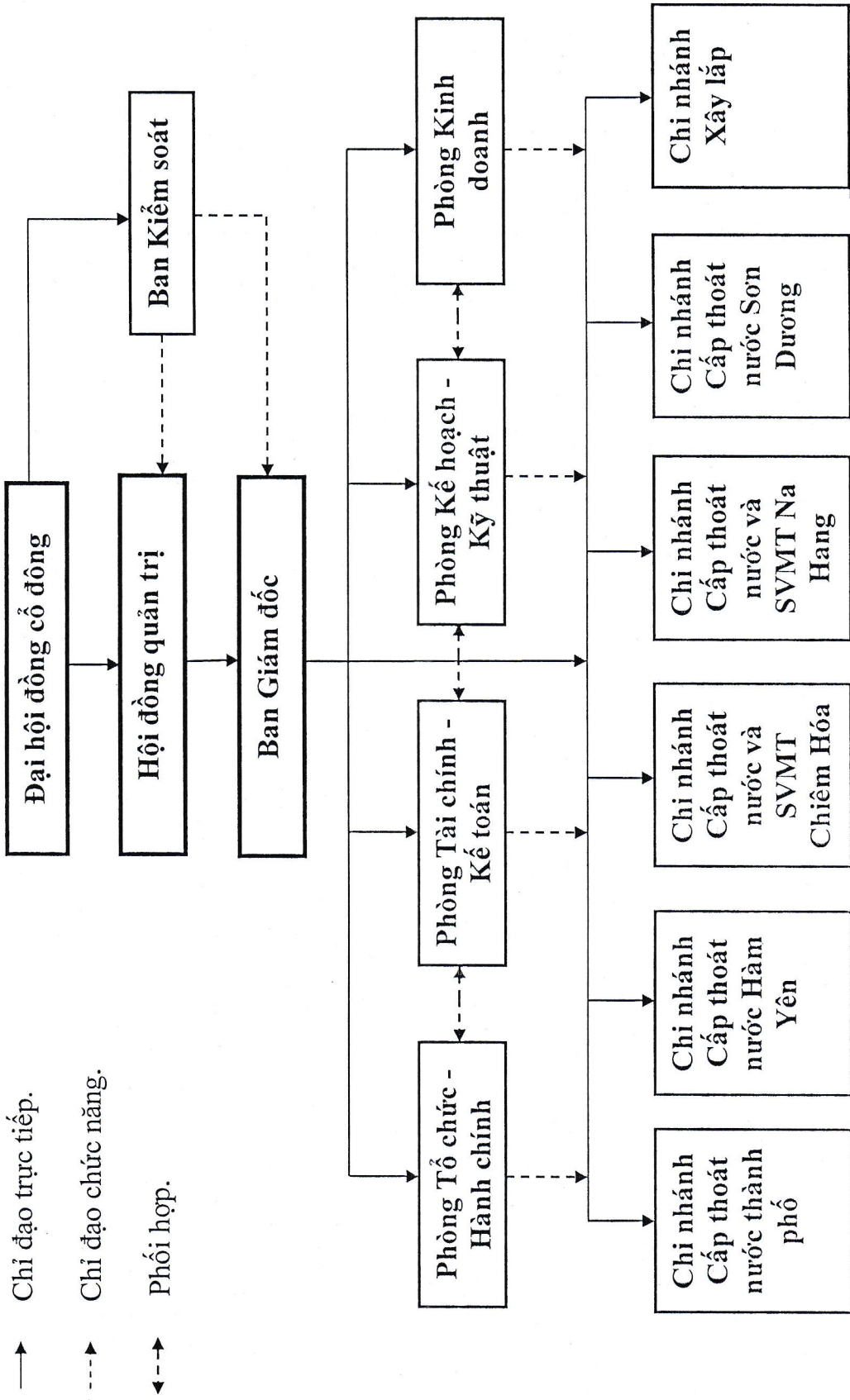
Danh sách các phòng chuyên môn và các Chi nhánh trực thuộc:



TT	Tên phòng/Chi nhánh	Địa chỉ
Các phòng chuyên môn: 04 phòng.		
1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Trụ sở Công ty: Số 103, đường Tôn Đức Thắng, tổ 17, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
2	Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật	
3	Phòng Tài chính - Kế toán	
4	Phòng Kinh doanh	
Các Chi nhánh trực thuộc: 06 Chi nhánh.		
1	Chi nhánh Cấp thoát nước Thành phố	Số 103, đường Tôn Đức Thắng, tổ 17, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
2	Chi nhánh Xây lắp	
3	Chi nhánh Cấp thoát nước Hàm Yên	Thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên
4	Chi nhánh Cấp thoát nước và DVMT Chiêm Hóa	Thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa
5	Chi nhánh Cấp thoát nước và DVMT Na Hang	Thị trấn Na Hang, huyện Na Hang
6	Chi nhánh Cấp thoát nước Sơn Dương	Thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương

3.3. Công ty liên kết: Không có.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TUYẾN QUANG



5012
 . ỘN
 : Ộ P
 THO
 YÊN G
 'UANG

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

4.3.1. Kế hoạch về kinh doanh:

- Hiện tại, giá nước sạch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang còn đang ở mức thấp, dự kiến việc điều chỉnh giá nước tại địa bàn tỉnh là phù hợp với tình hình giá cả chung, cũng như xu thế điều chỉnh giá nước trên toàn quốc. Song Công ty tính toán rằng việc tăng giá này không ảnh hưởng nhiều đến khả năng chi trả hay chất lượng cuộc sống của người dân đang sử dụng nước sạch trên địa bàn tỉnh. Giá nước ở mức thấp giúp người dân được hưởng lợi, nhưng lại khiến việc đầu tư nâng cấp, mở rộng và cải thiện chất lượng hệ thống cấp nước của Công ty gặp nhiều khó khăn. Dự kiến trong thời gian tới, giá nước sẽ được điều chỉnh theo xu thế tăng chung của cả nước ở mức độ hợp lý với khả năng chi trả của người dân. Điều này sẽ góp phần cải thiện lợi nhuận của Công ty đáng kể và hoàn thành mục tiêu kinh doanh đã đề ra.

- Công ty định hướng tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi của doanh nghiệp là sản xuất nước máy tiêu thụ cho dân cư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Với sản lượng nước máy khai thác và tiêu thụ dự kiến đạt mức tăng trưởng khoảng 2,2% mỗi năm, doanh thu tăng trưởng 4-5%/năm. Để đạt được điều này, ngoài việc tăng sản lượng bằng các biện pháp kỹ thuật, Công ty còn phải tập trung vào việc giảm tỷ lệ thất thoát hiện nay từ 26% xuống mức 22% trong các năm tới. Tăng cường công tác kiểm tra trên tuyến bằng nhiều hình thức thiết thực, hiệu quả, phù hợp, kịp thời phát hiện những sự cố, những bất cập và những hộ dùng nước trái phép, hộ dùng nước đồng hồ kẹt, hỏng, những điểm rò rỉ bục vỡ để từ đó kịp thời có các biện pháp xử lý, từ đó giảm tỷ lệ thất thoát nước.

4.3.2. Kế hoạch về quản trị:

- Ban Giám đốc tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý, xây dựng các quy định, quy chế quản lý nội bộ, hiệu chỉnh các định mức kinh tế kỹ thuật của Công ty nhằm phục vụ tốt nhất cho phát triển hiệu quả kinh tế.

- Xây dựng chiến lược phát triển, tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào hoạt động SXKD, nâng cao năng suất và hiệu quả lao động.

- Tích cực, chủ động, chuẩn bị tốt điều kiện Tài chính để tháo gỡ các khó khăn trong quá trình chuẩn bị đầu tư các dự án; đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư; Phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giám sát trong sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng.

4.3.3. Kế hoạch về công nghệ:

Ứng dụng công nghệ thông tin làm nền tảng cho hệ thống quản lý cụ thể như: ứng dụng các phần mềm về kế toán, lập dự toán công trình, phần mềm quản lý khách hàng, quản lý tài sản, quản lý áp lực nước trên mạng... Bằng việc áp dụng tiến bộ

5040
CÔNG TY
HẠN
CÔNG TY
TUYÊN
QUANG
T. TUYẾN

khoa học kỹ thuật vào hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như công tác quản lý, Công ty sẽ cắt giảm được nhiều chi phí liên quan, giúp tăng hiệu quả và tiết kiệm nguồn lực.

4.3.4. Kế hoạch về thị trường:

- Tăng cường công tác tiếp thị, phối hợp tốt với các cấp chính quyền sở tại trong việc huy động vốn đầu tư, tranh thủ nguồn lực để thực hiện các dự án đầu tư cải tạo, phát triển hạ tầng công nghệ, mở rộng thị trường tiêu thụ trên các địa bàn Công ty quản lý.

- Tích cực tìm kiếm thêm khách hàng mới có nhu cầu ký hợp đồng sử dụng nước sạch của Công ty. Đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước tại các vùng lân cận, tăng số lượng khách hàng sử dụng nước. Công ty tiếp tục ký hợp đồng thực hiện dịch vụ công ích tại thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tăng doanh thu cho Công ty và tạo công ăn việc làm, thu nhập ổn định cho cán bộ công nhân viên.

5. Các rủi ro:

5.1. Rủi ro về kinh tế:

Việt Nam là nước có tốc độ phát triển cao và ổn định trong những năm vừa qua. Năm 2006 Việt Nam ra nhập tổ chức WTO đã tạo ra rất nhiều cơ hội và thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung và của ngành dịch vụ nói riêng.

Cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế thì vấn đề nước sạch ngày càng trở nên cần thiết và cấp bách. Chính phủ Việt Nam đã ban hành rất nhiều văn bản, chính sách nhằm phát triển ngành.

Trong xu hướng hội nhập thì vấn đề về nước sạch ngày càng trở nên thiết yếu và quan trọng đối với mỗi người dân Việt Nam.

Do vậy, có thể nói hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Tuyên Quang trong thời gian tới không gặp trở ngại đáng kể từ nền kinh tế.

5.2. Rủi ro đặc thù:

5.2.1. Rủi ro thất thu, thất thoát: Với tốc độ đô thị hóa cao, một số hệ thống đường ống đầu tư đã lâu, việc thi công các công trình ngầm không đồng bộ dễ dẫn đến gãy vỡ đường ống cấp nước, tình trạng gian lận nước sạch không qua đồng hồ đo đếm do ý thức của người dân là không tránh khỏi, dẫn đến tình trạng thất thu, thất thoát.

5.2.2. Rủi ro đầu vào sản xuất:

- Rủi ro về cạn kiệt nguồn nước: Là tỉnh miền núi, nguồn nước thô phụ thuộc vào sự ổn định trữ lượng nguồn nước và chất lượng nước, hiện nay nguồn nước ngày càng cạn kiệt do tác động môi trường;

- Chi phí điện năng chiếm tỷ trọng đáng kể trong giá thành, giá điện có xu

hướng ngày càng tăng; việc nhà nước bổ sung một số chi phí như việc cấp phép khai thác tài nguyên, lương tối thiểu vùng tăng làm ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD.

5.3. *Rủi ro về môi trường:*

- Trong những năm vừa qua, do yếu tố biến đổi khí hậu, hạn hán kéo dài, dẫn đến nguồn nước tại các giếng khoan dần cạn kiệt, lưu lượng nước khai thác giảm mạnh.

- Một số công trình cầu, đường đang thi công, phải khoan xuống các tầng địa chất để đổ bê tông cọc nhồi, do khoảng cách từ điểm khoan đến các trạm bơm nước ngầm khá gần nên phần nào cũng làm ảnh hưởng đến địa chất thủy văn, chất lượng nước thô cũng sẽ bị biến đổi theo chiều hướng xấu (lưu lượng nước giảm, độ đục tăng, kết cấu giếng bị ảnh hưởng không tốt...).

5.5. *Rủi ro khác:*

Các rủi ro khác nằm ngoài dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người, như: thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn, dịch họa, ...là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2018:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Biểu 01. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD từ ngày 01/12/2017 đến 31/12/2018:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	66.150.790.133
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		66.150.790.133
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	50.598.768.277
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		15.552.021.856
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	101.720.072
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	592.152.166
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		592.152.166
8. Chi phí bán hàng	25		5.948.634.169
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		8.045.757.850

10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		1.067.197.743
11. Thu nhập khác	31	VI.05	1.533.634.227
12. Chi phí khác	32	VI.06	74.354.554
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.459.279.673
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.526.477.416
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	512.959.310
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.013.518.106

Ghi chú: Do thực hiện chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV sang Công ty Cổ phần từ ngày 01/12/2017 nên Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty bắt đầu từ ngày 01/12/2017, kết thúc 31/12/2018 (13 tháng) nên số liệu không thể so sánh.

2. Tổ chức và nhân sự:

Biểu 02. Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ
I	Hội đồng quản trị	
1	Lê Văn Hải	Chủ tịch HĐQT - Thành viên không điều hành
2	Hoàng Quang Huy	Thành viên HĐQT - Thành viên không điều hành
3	Nông Thị Song Vân	Thành viên HĐQT - Thành viên điều hành
4	Lê Văn Hoàn	Thành viên HĐQT - Thành viên điều hành
5	Phạm Quang Sâm	Thành viên HĐQT - Thành viên điều hành
6	Trần Thị Khánh	Thành viên HĐQT - Thành viên điều hành
II	Ban Kiểm soát	
1	Phạm Thị Thắng	Trưởng Ban kiểm soát
2	Vũ Mạnh Cường	Thành viên Ban kiểm soát
3	Trịnh Thị Phương	Thành viên Ban kiểm soát
III	Ban Giám đốc	
1	Nông Thị Song Vân	Giám đốc
2	Phạm Quang Sâm	Phó Giám đốc
IV	Kế toán trưởng	

1	Trần Thị Khánh	Kế toán trưởng
---	----------------	----------------

a. Hội đồng quản trị:

- Ông: **Lê Văn Hải** – Chủ tịch HĐQT.

Họ và tên	: Lê Văn Hải
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 29/09/1963
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Số nhà 237, Tổ 33, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
CMND	: 070448996 do Công an Tuyên Quang cấp ngày 06/02/2009
Điện thoại liên hệ	: 0912600213
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay	: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không có
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 3/1983 - 5/1986: Chiến sỹ Bộ đội: E266 – F313 – QKII - Từ 9/1986 – 8/1987: Cán bộ Trường Sơ cấp nuôi dạy trẻ Tuyên Quang - Từ 9/1987 – 11/1995: Cán bộ Trường Mầm non Tân Trào Tuyên Quang - Từ 12/1995 – 12/1996: Nhân viên kế toán tổng hợp Phòng Tài vụ Xi nghiệp xi măng Tuyên Quang - Từ 1/1997 – 11/2008: Phó phòng Tài vụ Công ty cổ phần xi măng Tuyên Quang - Từ 12/2008 – 6/2017: Trưởng phòng Tài vụ Công ty cổ phần xi măng Tuyên Quang - Từ 7/2017 - 11/2017: Đại diện vốn nhà nước Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Tuyên Quang - Từ 12/2017 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 6.173.200 cổ phần – chiếm 69,1% vốn điều lệ
<i>Trong đó</i>	
- Sở hữu cá nhân	: 40.000 cổ phần – chiếm 0,45% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện phần vốn UBND tỉnh Tuyên Quang tại	: 6.133.200 cổ phần – chiếm 68,66% vốn điều lệ



Công ty	
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	: UBND tỉnh Tuyên Quang sở hữu 6.133.200 cổ phần – chiếm 68,66% vốn điều lệ (Ông Lê Văn Hải là đại diện sở hữu vốn của UBND tỉnh Tuyên Quang tại Công ty)
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không có

- Ông: **Hoàng Quang Huy** – Thành viên HĐQT.

Họ và tên	: Hoàng Quang Huy
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 07/12/1993
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Số 166, Tổ 3 đường Chiến Thắng Sông Lô, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
CMND	: 070954161 do Công an Tuyên Quang cấp ngày 02/06/2010
Điện thoại liên hệ	: 0964.488.345
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay	: Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Trưởng phòng Kế hoạch Công ty TNHH Đầu tư & Xây dựng Trung Thành
Quá trình công tác	- Từ năm 2015 đến nay: Trưởng phòng Kế hoạch Công ty TNHH Đầu tư & Xây dựng Trung Thành - Từ 12/2017 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 814.400 cổ phần – chiếm 9,12% vốn điều lệ
<i>Trong đó</i>	
- Sở hữu cá nhân	: 814.400 cổ phần – chiếm 9,12% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên	: Không có

quan	
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không có

- Bà: **Nông Thị Song Vân** – Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty.

Họ và tên	: Nông Thị Song Vân
Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 14/3/1962
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Số nhà 152, đường Phạm Văn Đồng, Tổ 2, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
CMND	: 070964333 do Công an Tuyên Quang cấp ngày 05/09/2008
Điện thoại liên hệ	: 0912 760 169
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư xây dựng
Chức vụ hiện nay	: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không có
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 12/1985 - 3/2000: Cán bộ kỹ thuật thuộc Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang - Từ 4/2000 – 02/2002: Phó trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty Cấp thoát nước Tuyên Quang - Từ 3/2002 – 12/2004: Trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty Cấp thoát nước Tuyên Quang - Từ 01/2005 – 02/3/2005: Trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật Công ty Cấp thoát nước Tuyên Quang - Từ 3/2005 – 12/2010: Phó Giám đốc Công ty Cấp thoát nước Tuyên Quang - Từ 01/2011 – 11/2017: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang - Từ 12/2017 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 53.000 cổ phần – chiếm 0,59% vốn điều lệ
Trong đó	

- Sở hữu cá nhân	: 53.000 cổ phần – chiếm 0,59% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	: Không có
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không có

- Ông: **Lê Văn Hoàn** – Thành viên HĐQT, Giám đốc Chi nhánh cấp thoát nước Thành phố.

Họ và tên	: Lê Văn Hoàn
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 17/4/1972
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Tổ 14 – phường Tân Quang – thành phố Tuyên Quang
CMND	: 070870748 do Công an Tuyên Quang cấp ngày 22/12/2007
Điện thoại liên hệ	: 0912589588
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân xây dựng
Chức vụ hiện nay	: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Xí nghiệp cấp nước Thành phố
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không có
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 01/1991 đến 4/1993: Công nhân Xí nghiệp Công nông nghiệp chè Tuyên Quang - Từ 5/1993 – 02/2006: Công nhân Đội Sản xuất Công nghiệp Công ty Cấp thoát nước Tuyên Quang - Từ 3/2006 – 12/2007: Cán bộ kỹ thuật phòng Kế hoạch kỹ thuật Công ty Cấp thoát nước Tuyên Quang - Từ 01/2008 – 06/2012: Đội phó Đội Sản xuất Công nghiệp Công ty Cấp thoát nước Tuyên Quang - Từ 7/2012 – 11/2017: Giám đốc Xí nghiệp Cấp nước thành phố Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang

	- Từ 12/2017 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Xi nghiệp Cấp nước thành phố Công ty cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 47.500 cổ phần – chiếm 0,53% vốn điều lệ
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	: 47.500 cổ phần – chiếm 0,53% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	: Không có
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không có

- Ông: **Phạm Quang Sâm** – Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty.

Họ và tên	: Phạm Quang Sâm
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 16/11/1960
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Tổ 9, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
CMND	: 070471970 do Công an Tuyên Quang cấp ngày 18/02/2008
Điện thoại liên hệ	: 0913348404
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay	: Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không có
Quá trình công tác	- Từ 7/1984: Công nhân Liên hiệp Lâm công nghiệp Bắc Yên - Từ 1985 – 1986: Công nhân Công ty Cấp thoát nước Tuyên Quang - Từ 1986 – 1988: Học viên Trường cơ giới Xây dựng Việt Xô số 1

140
TY
ĂN
TNU
UAN
T.TU

	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 1988 – 1996: Công nhân Công ty Cấp thoát nước Tuyên Quang - Từ 1996 – 1997: Tổ trưởng tổ Cấp nước Công ty Cấp thoát nước Tuyên Quang - Từ 1997 – 2004: Đội phó đội SXCN Công ty Cấp thoát nước Tuyên Quang - Năm 2005: Phó phòng phụ trách phòng Kinh doanh Công ty Cấp thoát nước Tuyên Quang - Từ 2006 – 2010: Đội trưởng đội SXCN Công ty Cấp thoát nước Tuyên Quang - Từ 5/2010 – 8/2012: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang - Từ 9/2012 – 2013: Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Xí nghiệp cấp nước Na Hang Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang - Từ 2014 – 11/2017: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang - Từ 12/2017 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 45.100 cổ phần – chiếm 0,5% vốn điều lệ
<i>Trong đó</i>	
- Sở hữu cá nhân	: 45.100 cổ phần – chiếm 0,5% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	: Không có
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không có

- Bà: **Trần Thị Khánh** - Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty.

Họ và tên	: Trần Thị Khánh
Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 20/06/1981

Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: SN 70, tổ 30, P. Tân Quang, TP. Tuyên Quang, T. Tuyên Quang Điện thoại: 0941.809.988
CMND	: 070591746 do Công an Tuyên Quang
Điện thoại liên hệ	: 0941.809.988
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Tài chính kế toán
Chức vụ hiện nay	: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không có
Quá trình công tác	- Từ 5/2003-6/2010: Nhân viên kế toán – Công ty cấp thoát nước Tuyên Quang - Từ 7/2010 – 11/2017: Phó phòng kế toán tài vụ - Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang - Từ 12/2017 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 46.300 cổ phần – chiếm 0,52% vốn điều lệ
<i>Trong đó</i>	
- Sở hữu cá nhân	: 46.300 cổ phần – chiếm 0,52% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	: Không có
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không có

b. Ban kiểm soát:

- Bà **Phạm Thị Thắng** – Trưởng Ban kiểm soát.

Họ và tên	: Phạm Thị Thắng
Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 02/09/1974
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: SN 133, tổ 15 phường Hưng Thành, thành phố Tuyên

	Quang, tỉnh Tuyên Quang
CMND	: 070697990 do Công an Tuyên Quang cấp ngày 15/11/2017
Điện thoại liên hệ	: 0978.324.168
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Tài chính kế toán
Chức vụ hiện nay	: Trưởng Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không có
Quá trình công tác	- Từ 10/1995 – 12/1995: Nhân viên kế toán đội Xây dựng 2 Công ty XD Tổng hợp thị xã Tuyên Quang - Từ 1/1996 – 11/2017: Nhân viên kế toán Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Tuyên Quang - Từ 12/2017 – nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 7.400 cổ phần – chiếm 0,08% vốn điều lệ
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	: 7.400 cổ phần – chiếm 0,08% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	: Không có
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không có

- Ông: **Vũ Mạnh Cường** – Thành viên Ban kiểm soát.

Họ và tên	: Vũ Mạnh Cường
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 04/04/1980
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: SN 04, tổ 2 phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
CMND	: 070577145 do Công an Tuyên Quang cấp ngày 13/03/2003

Điện thoại liên hệ	: 0904.225.456
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Kế toán
Chức vụ hiện nay	: Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không có
Quá trình công tác	- Từ 2009 – 11/2017: Nhân viên kế toán – Công ty cấp thoát nước Tuyên Quang - Từ 12/2017 – nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 2.700 cổ phần – chiếm 0,03% vốn điều lệ
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	: 2.700 cổ phần – chiếm 0,03% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	: Không có
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không có

- Bà: **Trịnh Thị Phương** – Thành viên Ban kiểm soát.

Họ và tên	: Trịnh Thị Phương
Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 05/08/1972
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Tổ dân phố Tân Tiến, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, Tuyên Quang
CMND	: 070721494 do Công an Tuyên Quang cấp ngày 23/01/2015
Điện thoại liên hệ	: 0914.597.928
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Tài chính kế toán
Chức vụ hiện nay	: Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm	: Không có

giữ tại tổ chức khác	
Quá trình công tác	- Từ 01/1998 – 5/2006: Nhân viên kế toán Ban quản lý nước sạch thị trấn Sơn Dương - Từ 6/2006 – 6/2011: Nhân viên kế toán Ban quản lý công trình đô thị huyện Sơn Dương - Từ 6/2011 – 11/2017: Nhân viên kế toán Xí nghiệp cấp nước Sơn Dương Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang - Từ 12/2017 – nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 3.800 cổ phần – chiếm 0,04% vốn điều lệ
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	: 3.800 cổ phần – chiếm 0,04% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	: Không có
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không có

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không thay đổi.

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

Vị trí công việc		ĐVT	Số lao động
1	Lao động trực tiếp SXKD	Người	221
2	Lao động thừa hành, phục vụ		05
3	Lao động chuyên môn nghiệp vụ		36
4	Lao động quản lý		22
5	Thư ký công ty		01
	Tổng cộng		285

- Chính sách đối với người lao động:

+ Quỹ tiền lương: Căn cứ quy định hiện hành của Nhà nước, công ty xây dựng quy chế trả lương cho người lao động và đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

+ Tiền thưởng được chi trả cho người lao động căn cứ Quy chế khen thưởng,

căn cứ kết quả đánh giá, xếp loại thông qua các đợt phát động thi đua.

- Chế độ tiền lương, thưởng do Giám đốc công ty đề xuất được Hội đồng quản trị phê duyệt.

- Thực hiện đóng nộp đầy đủ chế độ bảo hiểm, trang bị bảo hộ lao động và khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động theo quy định của pháp luật.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Công trình Trạm xử lý nước mặt công suất 5.000m³/ngđ bổ sung nguồn nước cho thành phố Tuyên Quang với tổng mức đầu tư là: 13,2 tỷ đồng.

- Công trình Xây dựng nhà trục, giếng khoan, hệ lọc áp lực tại giếng khoan Km9, Thắng Quân, đường Tuyên Quang đi Hà Giang: 1,04 tỷ đồng.

- Công trình Trạm xử lý và cung cấp nước cho khu công nghiệp Long Bình An: 9,2 tỷ đồng.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính:

a) Biểu 3. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2018
Tổng giá trị tài sản	144.246.519.156
Doanh thu thuần	66.150.790.133
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.067.197.743
Lợi nhuận khác	1.459.279.673
Lợi nhuận trước thuế	2.526.477.416
Lợi nhuận sau thuế	2.013.518.106

Ghi chú: Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty bắt đầu từ ngày 01/12/2017, kết thúc 31/12/2018 (13 tháng) nên không có số liệu để so sánh do kỳ kế toán năm 2018 không tương đồng với kỳ kế toán liền trước.

b) Biểu 4. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1,06
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn		



+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,75
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,37
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,58
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	9,6
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,46
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,04
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	2,2
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,4
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,61

Ghi chú: Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty bắt đầu từ ngày 01/12/2017, kết thúc 31/12/2018 (13 tháng) nên không có số liệu để so sánh do kỳ kế toán năm 2018 không tương đồng với kỳ kế toán liền trước.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 8.933.200 cổ phiếu, trong đó: 8.933.200 cổ phiếu phổ thông.

Căn cứ Khoản 2 Điều 14 Điều lệ Công ty, cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị chỉ được chuyển nhượng cho người khác khi được 100% thành viên Hội đồng quản trị nhất trí thông qua;

Căn cứ Khoản 2 Điều 48, Nghị định 59/2011/NĐ-CP, đối với CBCNV có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh

ngành cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm kể từ ngày 01/12/2017 (ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) sẽ được mua cổ phiếu ưu đãi theo thời gian cam kết làm việc tại công ty cổ phần. Cổ phiếu được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết.

- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 1.122.700 cổ phiếu (chiếm 12,57% CK đăng ký).

- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng có điều kiện (hạn chế chuyển nhượng): 7.810.500 cổ phiếu (chiếm 87,43% CK đăng ký).

b) Cơ cấu cổ đông: Cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên:

T T	Cổ đông	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Địa chỉ	CP phổ thông	Tỷ lệ sở hữu %/VĐL
1	UBND tỉnh Tuyên Quang		Đường Đại lộ Tân Trào, phường Minh Xuân, TP. Tuyên Quang	6.133.200	68,66
2	Hoàng Quang Huy	070954161	SN 166, Đ Chiến Thắng Sông Lô, Tổ 3 P Tân Quang, TPTQ	814.400	9,12
3	Nguyễn Hữu Tuấn	008094000009	Số D5d lô D5 KĐG 18,6ha, P Phú Thượng, Q Tây Hồ, HN	814.400	9,12
Tổng cộng				7.762.000	86,9

Biểu 5. Cơ cấu cổ đông Công ty tính đến ngày 31/12/2018:

STT	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
I	Cổ đông trong nước	325	8.933.200	100%
	Tổ chức	1	6.133.200	68,66%
	Cá nhân	324	2.800.000	31,34%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
	Tổ chức	0	0	0
	Cá nhân	0	0	0
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0

Tổng cộng	325	8.933.200	100%
------------------	------------	------------------	-------------

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

Biểu 6. nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất trong năm:

TT	Nguyên vật liệu	Đơn vị	Số lượng sử dụng	Ghi chú
1	Clorin 70%	Kg	339,00	
2	Muối hạt không I-ốt	Kg	4.500,00	
3	Muối thô	Kg	5.120,00	
4	Phèn Đơn Nghiền	Kg	5.714,50	
5	Phèn PAC (Trung Quốc)	Kg	944,00	
	Hóa chất thử nước			
1	Chất thử đo Asen	Tép	20,00	
2	Chất thử Mangan	Tép	20,00	
3	Chất thử Nitorat	Tép	20,00	
4	Chất thử nước cứng	ml	20,00	
5	Chất thử Sunfat	Tép	20,00	
6	Thuốc thử Amoni (Bộ-Salicylate+Cyanurate)	Lọ	20,00	
7	Thuốc thử Clo dư	Tép	20,00	
8	Thuốc thử Nitorit	Tép	20,00	
9	Thuốc thử sắt	Tép	20,00	

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức. (Không có)

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

Biểu 7. Năng lượng tiêu thụ bình quân để sản xuất trong năm:

Đơn vị sử dụng	Sản lượng (Kwh)	Ghi chú
1. Chi nhánh Cấp thoát nước Thành phố	2.730.462	

2. Chi nhánh Cấp thoát nước Hàm Yên	259.176	
3. Chi nhánh CTN và DVMT Chiêm Hóa	187.311	
4. Chi nhánh CTN và DVMT Na Hang	6.865	
5. Chi nhánh Cấp thoát nước Sơn Dương	216.751	
Tổng cộng	3.400.565	

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: (Không có).

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: (Không có).

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: (Không có).

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: (Không có).

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: (Không có).

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: (Không có).

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động năm 2018.

Tổng số lao động	Lao động nữ	Lao động nam	Mức lương trung bình
285	94	191	7.337.968 đồng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Để đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động, công ty xây dựng các quy định thể hiện trong nội quy, quy chế, thỏa ước lao động tập thể. Mỗi năm tổ chức 01 đợt khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, thực hiện chi trả chế độ ăn giữa ca; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động. Hàng năm tổ chức tập huấn an toàn lao động ít nhất 1 lần/năm. Giải quyết đầy đủ chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ lễ, phép, trợ cấp khó khăn, thăm hỏi hiếu, hi. Đặc biệt quan tâm lao động nữ, bố trí công việc phù hợp.

c) Hoạt động đào tạo người lao động: (Không có).

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Trong năm vừa qua, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang đã đạt được

một số thành tích đáng kể như: Được Đảng ủy khối Doanh nghiệp tỉnh công nhận là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh; Tham gia nhiệt tình các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao và các hoạt động khác do Đoàn khối phát động; đạt giải nhất tại các bộ môn bóng đá, cầu lông. Bên cạnh các thành tích đó, không thể không kể đến công tác phối hợp với Đoàn phường Hưng Thành - đơn vị kết nghĩa với Đoàn cơ sở Công ty trong việc tặng quà các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách vào ngày 27/7 và ngày Tết thiếu nhi 01/6 trên địa bàn phường Hưng Thành. Tích cực ủng hộ bằng tiền mặt các hoạt động xã hội trên địa bàn phường Hưng Thành, khu vực thành phố như: đua thuyền, lễ hội Thành Tuyên, tài trợ các trường học...Số tiền ủng hộ, quyên góp trên 50 triệu đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: (Không có)

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Phân tích tổng quan:

Căn cứ Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2018 cho Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang. Công ty đã nỗ lực phấn đấu thực hiện các mục tiêu cơ bản Nhà nước giao trong năm, kết quả thực hiện của các chỉ tiêu chính như sau:

- Tổng sản lượng nước máy khai thác:
 - + Năm 2018 (12 tháng): 9.562.316 m³.
 - + Tháng 12/2017 và cả năm 2018 (13 tháng): 10.332.988m³.
- Tổng sản lượng nước máy tiêu thụ có doanh thu:
 - + Năm 2018 (12 tháng): 7.044.238 m³.
 - + Tháng 12/2017 và cả năm 2018 (13 tháng): 7.588.622m³.
- Tỷ lệ thất thoát: 26,5%;
- Tổng doanh thu: 67.786 triệu đồng;
- Lợi nhuận: 2.526 triệu đồng;
- Nộp ngân sách nhà nước: 12.599 triệu đồng;
- Nộp Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN: 5.898 triệu đồng;

Ghi chú: Số liệu trên bao gồm tháng 12/2017 và cả năm 2018 (13 tháng) nên không thể so sánh với Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

b. Những kết quả công ty đã đạt được:

Lĩnh vực sản xuất và quản lý chất lượng nước:

4	Tài sản thiếu chờ xử lý	73.000.000	73.000.000
IV	Hàng tồn kho	5.296.927.983	5.246.255.919
1	Hàng tồn kho	5.296.927.983	5.246.255.919
V	Tài sản ngắn hạn khác	948.985.655	63.009.130
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	78.650.842	45.394.800
2	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	870.334.813	17.614.330
B	Tài sản dài hạn	126.220.017.600	124.461.397.609
I	Các khoản phải thu dài hạn	4.000.000	3.000.000
1	Phải thu dài hạn khác	4.000.000	3.000.000
II	Tài sản cố định	109.849.732.216	107.735.779.806
1	Tài sản cố định hữu hình	109.674.277.935	107.540.219.738
	- Nguyên giá	214.819.608.323	203.352.700.126
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(105.145.330.388)	(95.812.480.388)
2	TSCĐ vô hình	175.454.281	195.560.068
	- Nguyên giá	217.357.000	217.357.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(41.902.719)	(21.796.932)
III	Bất động sản đầu tư	-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	13.990.156.572	13.546.708.998
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13.990.156.572	13.546.708.998
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-
VI	Tài sản dài hạn khác	2.376.128.812	3.175.908.805
1	Chi phí trả trước dài hạn	2.376.128.812	3.175.908.805
	Tổng cộng tài sản	144.246.519.156	143.940.083.304

b) Tình hình nợ phải trả

Biểu 9. Bảng cân đối kế toán (tiếp theo):

	Nguồn vốn	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	4	5
C	Nợ phải trả	52.901.001.050	54.608.083.304
I	Nợ ngắn hạn	16.987.419.639	15.246.345.037
1	Phải trả người bán ngắn hạn	7.981.860.451	4.848.022.908

2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	676.458.380	454.746.164
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	799.833.113	1.029.683.803
4	Phải trả người lao động	5.281.127.248	5.957.013.967
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	3.652.000	103.652.000
6	Phải trả ngắn hạn khác	811.493.290	993.490.286
7	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.432.995.157	1.859.735.909
II	Nợ dài hạn	35.913.581.411	39.361.738.267
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	35.913.581.411	39.361.738.267
D	Vốn chủ sở hữu	91.345.518.106	89.332.000.000
I	Vốn chủ sở hữu	91.345.518.106	89.332.000.000
1	Vốn góp của chủ sở hữu	89.332.000.000	80.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	89.332.000.000	80.000.000.000
2	Vốn khác của chủ sở hữu	-	9.332.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.013.518.106	-
	- LNST chưa phân phối kỳ này	2.013.518.106	-
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
	Tổng cộng nguồn vốn	144.246.519.156	143.940.083.304

- Về nợ phải trả xấu: Không có nợ xấu.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

- HĐQT và Ban giám đốc có định hướng đúng đắn trong chiến lược SXKD, mang lại hiệu quả, có tình hình tài chính lành mạnh.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề, áp dụng công nghệ trong SXKD và công tác điều hành, tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, linh hoạt trong quá trình thực hiện, xác định rõ trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân như: Công tác điều hành quản trị công ty luôn được cập nhật, điều chỉnh, sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định quản trị nội bộ doanh nghiệp phù hợp với văn bản pháp luật hiện hành và thực tiễn của công ty; Rà soát cải tiến chính sách tiền lương, tiền thưởng của người lao động.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Về sản xuất kinh doanh:

- Xây dựng kế hoạch phát triển trung hạn, dài hạn, phấn đấu hoàn thành mục

tiêu, kế hoạch và nghị quyết của ĐHĐCĐ đề ra, với sản lượng nước máy khai thác và tiêu thụ dự kiến đạt mức tăng trưởng bình quân khoảng 2-3%/năm, doanh thu tăng trưởng bình quân 4-5%/năm. Để đạt được điều này, ngoài việc tăng sản lượng bằng các biện pháp kỹ thuật, Công ty còn phải tập trung vào việc giảm tỷ lệ thất thoát hiện nay từ 26% xuống mức 22% trong các năm tới.

- Duy trì ổn định và phát triển mạng lưới cung cấp nước cũng như thị trường tiêu thụ nước của Công ty; đổi mới, nâng cao kỹ năng quản lý; cải tiến dây truyền sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Tạo môi trường làm việc thân thiện, năng động và hiệu quả trên nền tảng văn hoá công ty là: trung thực, đoàn kết và cầu thị.

Về quản lý tài chính: Tiếp tục hoàn thiện năng lực quản lý tài chính Công ty, quản lý các nguồn đầu tư, sử dụng các công cụ phân tích, dự báo phục vụ cho công tác hoạch định kinh doanh, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Về tổ chức bộ máy hoạt động: Tiếp tục ổn định cơ cấu bộ máy tổ chức hoạt động phù hợp với tốc độ phát triển, xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên đoàn kết, thống nhất, tận tâm vì mục tiêu phát triển chung của Công ty.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: (Không có).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

- Trách nhiệm đối với môi trường được Công ty xác định là một trong những tiêu chí về phát triển bền vững và là vấn đề quan trọng cấp bách hiện nay. Với ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất và cung cấp nước sạch, sản phẩm tiêu thụ liên quan trực tiếp đến sức khỏe của người dân, do đó Công ty quan tâm hàng đầu đến chất lượng nước, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ Y tế; Công ty tiếp tục áp dụng công nghệ sạch như: Sử dụng chủng loại vật tư đường ống, phụ kiện phù hợp, bền vững ít bị tác động của môi trường. Tăng cường công tác tuyên truyền tới người dân về việc bảo vệ nguồn nước và công trình cấp nước, sử dụng nước tiết kiệm. Nghiên cứu lộ trình thay đổi từ sử dụng nguồn nước ngầm sang nguồn nước mặt đối với một số khu vực trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Trong việc sử dụng năng lượng, Công ty luôn nâng cao ý thức trách nhiệm, sử dụng tiết kiệm. Lựa chọn áp dụng dây truyền công nghệ hiện đại, tiêu hao ít năng lượng hoặc lợi dụng sự thuận lợi về địa hình miền núi cao, tăng cường việc lựa chọn vị trí nguồn nước tự chảy, để hạn chế sử dụng năng lượng. Vào các giờ cao điểm hạn chế tối đa việc sử dụng điện năng bằng cách tạm dừng hoạt động của một số bơm, các thiết bị điện không cần thiết.

- Việc xả thải ra môi trường tuân thủ đúng quy định.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- Công ty thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng lao động theo đúng quy định của Bộ Luật lao động. Thực hiện đúng nội quy, quy chế lao động, kịp thời điều chỉnh mức lương của NLD thấp hơn mức lương tối thiểu vùng, nhằm đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ cho người lao động.

- Việc chăm lo đời sống ổn định và nâng cao thu nhập cho người lao động luôn được công ty chú trọng. NLD được bố trí đủ việc làm, giải quyết đầy đủ chế độ chính sách theo Bộ Luật lao động và các Luật khác có liên quan như: Tiền lương, tiền thưởng theo kết quả kinh doanh của công ty và mức độ hoàn thành của NLD, đảm bảo luôn cao hơn mức lương tối thiểu vùng do nhà nước quy định từng thời kỳ; chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, hỗ trợ khó khăn, đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ,....vv. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm, tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề, tham gia phong trào văn nghệ, thể thao tạo sân chơi lành mạnh cho người lao động, nhằm tái tạo sức lao động, qua đó nâng cao hiệu quả SXKD của công ty.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của DN đối với cộng đồng địa phương:

- Trong năm qua công ty tham gia tích cực vào hoạt động từ thiện, nhân đạo, chung tay góp sức hưởng ứng phong trào “xóa đói giảm nghèo”, “mái ấm tình thương”; ủng hộ xây dựng các quỹ, hỗ trợ công tác giáo dục tại địa phương...

- Tiếp tục duy trì việc áp dụng giá nước tiêu thụ đối với khu vực NSNT, đảm bảo luôn thấp hơn giá nước tại các khu vực thành phố, thị trấn.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

a. Tổng quan:

Năm 2018 là năm đầu tiên Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang thực hiện chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ sang mô hình hoạt động Công ty cổ phần. Với tổng số vốn điều lệ 80.000.000.000 đồng trong đó: phần nhà nước nắm giữ 52.000.000.000 đồng (tỷ lệ 65%), còn lại là các cổ đông khác nắm giữ 28.000.000.000 đồng (tỷ lệ 35%). Ngày 26/4/2018, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường thông qua tăng thêm vốn điều lệ 9.332.000.000 đồng, nâng tổng số vốn điều lệ của công ty lên 89.332.000.000 đồng, trong đó cổ phần nhà nước nắm giữ 61.000.000.000 đồng (tỷ lệ 68,66%), còn lại là các cổ đông khác nắm giữ 28.000.000.000 đồng (tỷ lệ 31,34%).



Thực hiện các quy định của Luật Chứng khoán, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn quản trị công ty đối với công ty đại chúng; Thông tư Số: 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 71/2017/NĐ-CP. Công ty đã khẩn trương triển khai các thủ tục hồ sơ cần thiết để trở thành công ty đại chúng, lưu ký chứng khoán tập chung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đưa cổ phiếu lên sàn giao dịch chứng khoán Upcom. Kết quả: Ngày 03/7/2018 Ủy ban chứng khoán nhà nước đã có công văn số 4110/UBCK-GSĐC về việc chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng, ngày 06/11/2018 Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 94/2018/GCNCP-VSD cho công ty với mã chứng khoán TQW, số lượng 8.933.200 cổ phiếu đăng ký. Hiện nay công ty đang chờ Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội hoàn tất thủ tục để đưa cổ phiếu của công ty lên sàn giao dịch chứng khoán Upcom theo quy định.

Năm 2018 mặc dù còn gặp nhiều khó khăn trong giai đoạn đầu của chuyển đổi mô hình hoạt động, tình hình SXKD cũng gặp không ít khó khăn, sản lượng nước thương phẩm có chiều hướng sụt giảm ở hầu hết các Chi nhánh làm cho sản lượng chung toàn công ty giảm, tỷ lệ thất thoát còn ở mức khá cao 26,5%. Nhưng với sự quyết liệt chỉ đạo của HĐQT, sự nỗ lực điều hành của Ban giám đốc cùng với sự đoàn kết, nhất trí cao của toàn thể cán bộ, công nhân viên, công ty đã khắc phục mọi khó khăn hoàn thành cơ bản các mục tiêu của ĐHĐCĐ đề ra.

b. Những kết quả đã đạt được:

Về sản xuất kinh doanh: Năm 2018 kết quả SXKD của công ty đã đạt được qua một số chỉ tiêu chính sau:

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐV TÍNH	THỰC HIỆN NĂM 2018	GHI CHÚ
I	CHỈ TIÊU SẢN XUẤT			
1	Sản lượng nước thương phẩm	m ³	7.588.622	
2	Giá bán bình quân	đồng m ³	7.512	
3	Tỷ lệ thất thoát	%	26,5	
4	Số khách hàng	hộ	42.000	
II	CÁC CHỈ TIÊU VỀ TÀI CHÍNH			
1	Tổng doanh thu	tr.đồng	67.786	
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	tr.đồng	2.526	
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	tr.đồng	2.013	
4	Tỷ suất lợi nhuận/vốn góp cổ đông	%	2,25	

- Đảm bảo cấp nước an toàn, đầy đủ đáp ứng nhu cầu sử dụng của các cơ quan và nhân dân trên địa bàn toàn tỉnh.

- Công tác tài chính, kế toán được thực hiện đúng quy định của pháp luật, bảo toàn và phát triển nguồn vốn.

- Công tác đầu tư mở rộng sản xuất hiệu quả, kịp thời, quản lý theo đúng trình tự xây dựng cơ bản, đảm bảo tiến độ.

Công tác tổ chức nhân sự, chính sách đối với người lao động:

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức, thực hiện luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ tại một số vị trí nhằm tăng cường hiệu quả của công tác quản lý.

- Rà soát mức lương của người lao động đảm bảo quy định mức lương tối thiểu vùng theo đúng quy định của Nhà nước.

- Đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần, chăm sóc sức khỏe, giải quyết tốt các chế độ chính sách cho người lao động; tạo đủ việc làm, cải thiện điều kiện làm việc và đảm bảo tiền lương là 7.337.968 triệu đồng/người/tháng, đạt ở mức khá so với mặt bằng chung trong tỉnh.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

- Trong việc sử dụng năng lượng, Công ty luôn nâng cao ý thức trách nhiệm, sử dụng tiết kiệm. Lựa chọn áp dụng dây truyền công nghệ hiện đại, tiêu hao ít năng lượng hoặc lợi dụng sự thuận lợi về địa hình miền núi cao, tăng cường việc lựa chọn vị trí nguồn nước tự chảy, để hạn chế sử dụng năng lượng. Vào các giờ cao điểm hạn chế tối đa việc sử dụng điện năng bằng cách tạm dừng hoạt động của một số bơm, các thiết bị điện không cần thiết.

- Việc xả thải ra môi trường tuân thủ đúng quy định.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc:

- Ban Giám đốc đã xây dựng quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên gắn với trách nhiệm và quyền hạn rõ ràng.

- Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã tổ chức điều hành tương đối tốt mọi hoạt động của công ty theo kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua và Quyết định của HĐQT qua các kỳ họp. Thường xuyên báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo về những vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT.

- Các thành viên trong Ban Giám đốc đoàn kết, hoàn thành tốt nhiệm vụ, chức trách theo lĩnh vực được phân công.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Duy trì ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm



2019 như sau:

+ Sản lượng nước khai thác:	9.750.000 m ³ ;
+ Sản lượng nước máy tiêu thụ:	7.512.000 m ³ ;
+ Tổng doanh thu:	64.678 triệu đồng;
+ Các khoản phải nộp:	13.746 triệu đồng;

Trong đó:

- Thuế, phí các loại: 8.855 triệu đồng;
- Nộp Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN: 4.891 triệu đồng.

- Làm tốt công tác tiếp thị khách hàng, mở rộng thị trường cấp nước tại các vùng lân cận, trong đó tập trung chủ lực vào Chi nhánh Cấp thoát nước thành phố.

- Tiếp tục áp dụng khoa học - kỹ thuật, áp dụng các phần mềm chuyên ngành phục vụ cho sản xuất kinh doanh.

- Đề ra các giải pháp cụ thể để giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước máy.

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực của cán bộ quản lý và nhân viên các phòng, Chi nhánh trong toàn Công ty, nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

- Đổi mới nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng nước của người dân (cấp nước 24/24 giờ trong ngày), nâng cao chất lượng nước sinh hoạt, đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy chuẩn của Bộ Y tế.

- Quản lý tốt việc vận hành khai thác các hệ thống cấp nước sạch nông thôn đã bàn giao về công ty, đầu tư các thiết bị để nâng cao chất lượng sản xuất và cung cấp nước.

- Xây dựng văn hoá công sở lành mạnh, đào tạo và hướng dẫn kỹ năng về dịch vụ chăm sóc khách hàng cho người lao động để ngày càng nâng cao uy tín và thương hiệu của Công ty.

- Chỉ đạo các phòng, Chi nhánh trực thuộc thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của đơn vị; xây dựng quy chế phối hợp hoạt động của tổ chức Đảng với chính quyền và các đoàn thể trong Công ty.

- Thực hiện công tác tổ chức phù hợp, hoạt động đảm bảo hiệu quả, tăng năng suất lao động, giảm chi phí trong tất cả các lĩnh vực.

- Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính của Công ty an toàn, hiệu quả.

- Tăng cường tổ chức cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký công ty tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn về thị trường Chứng khoán.

- Cải tiến hệ thống quản trị theo hướng tiên tiến để đáp ứng yêu cầu phát triển

ngày một lớn mạnh của Công ty.

- Thực hiện chức năng theo đúng phạm vi, quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị của Công ty.

V. Quản trị công ty: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang không phải là tổ chức niêm yết nên không công bố các thông tin tại Mục này.

VI. Báo cáo tài chính.

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

- Toàn văn bản báo cáo tài chính năm 2018 cho kỳ hoạt động từ ngày 01/12/2017 -31/12/2018 đã được kiểm toán và đăng tải chi tiết tại trên Website công ty ngày 29/3/2019 theo quy định. (*đường dẫn: <http://capthoatnuoctuyenquang.vn/tin-tuc-su-kien/tin-hoat-dong-cong-ty/bao-cao-tai-chinh-nam-2018/>*).

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- HNX;
- Thành viên HĐQT, BGD, BKS;
- Lưu VT, HĐQT, Thư ký công ty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT



Lê Văn Hải